

Bản án số: **14/2018/DS-ST**

Ngày: **16/3/2018**

*“V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông: Đặng Văn Hai;

2. Ông: Nguyễn Phát Triển.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cao Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 16 tháng 03 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2017/TLST-DS, ngày 17 tháng 8 năm 2017, về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐST-DS ngày 04/10/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2017/QĐST-DS ngày 18/10/2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 135/2017/QĐST-DS ngày 07/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST-DS ngày 26/02/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Mỹ H, Sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp LK, xã LH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Trần Thị Mỹ H là ông Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1984. Địa chỉ: khóm BT, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.(Có mặt)

- Bị đơn: Trần Thị Hồng N, Sinh năm: 1987; Địa chỉ: ấp LĐ, xã LT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: khu dân cư ấp LĐ, xã LT, huyện LV, Đồng Tháp (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trịnh Thị B, Sinh năm: 1953. Địa chỉ: ấp LĐ, xã LT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: khu dân cư ấp LĐ, xã LT, huyện LV, Đồng Tháp (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/7/2017; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/8/2017 và tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Vào ngày 10 tháng 02 năm 2016 chị Trần Thị Hồng N có vay của chị Trần Thị Mỹ H số tiền 40.000.000 đồng, chị N có làm Biên nhận và có ký tên; ghi rõ họ và tên vào Biên nhận. Khi vay tiền có bà Trịnh Thị B ký tên và ghi họ tên bảo lãnh. Thời hạn vay là 03 tháng (đến ngày 10/5/2016 thì chị N sẽ trả vốn), lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, vay không có thế chấp tài sản. Mục đích của chị N vay tiền là chi tiêu trong gia đình. Từ khi vay đến nay chị N và bà B không có trả vốn, lãi cho chị H. Chị Trần Thị Mỹ H đã nhiều lần yêu cầu chị Trần Thị Hồng N và bà Trịnh Thị B trả số tiền trên nhưng chị N và bà B không thực hiện trả nợ. Vì vậy chị Trần Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Hồng N và bà Trịnh Thị B cùng liên đới trả cho chị Trần Thị Mỹ H số tiền vốn là 40.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa ngày 07/11/2017 Bị đơn chị Trần Thị Hồng N trình bày: Chị N thừa nhận là có vay tiền của chị H nhưng chị N vay số tiền là 3.000.000 đồng, chứ không phải số tiền 40.000.000 đồng, Biên nhận ngày 10/02/2016 chị N thừa nhận là do chị ký tên và viết họ tên vào Biên nhận, chị N không có chứng cứ để chứng minh chị N chỉ vay số tiền 3.000.000 đồng. Chị Trần Thị Hồng N có yêu cầu tạm ngưng phiên tòa để chị cung cấp chứng cứ. Tòa án đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa và ra Thông báo yêu cầu chị N cung cấp chứng cứ nhưng đến nay chị N không thực hiện. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn có tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Cho nên, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn Trần Thị Hồng N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Thị B cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn Trần Thị Hồng N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị B trình bày: Vào ngày 10/02/2016 bà Trịnh Thị B có ký tên vào Biên nhận để bảo lãnh phần tiền của chị N vay của chị H, số tiền bao nhiêu thì bà B không nhớ nhưng bà B có nghe chị N nói là chỉ vay của chị H 3.000.000 đồng, ngoài ra bà B không có chứng cứ gì chứng minh là chỉ vay số tiền 3.000.000 đồng, khi vay không có thể chấp. Mục đích vay là để làm ăn mua bán nhỏ tại nhà. Từ khi vay đến nay bà B và chị N chưa trả khoảng tiền nào cho chị H. Nay bà Trịnh Thị B đồng ý cùng Trần Thị Hồng N trả cho chị Trần Thị Mỹ H số tiền vốn vay là 3.000.000 đồng. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy, việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa chị Trần Thị Mỹ H và chị Trần Thị Hồng N; bà Trịnh Thị B là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Thị Hồng N đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến trình bày hay giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H yêu cầu chị Trần Thị Hồng N và bà Trịnh Thị B trả cho chị Trần Thị Mỹ H vốn vay 40.000.000 đồng, lãi không yêu cầu. Yêu cầu này được ông T chứng minh là có làm “Biên nhận” được lập

vào ngày 10/2/2016 có chữ ký tên và ghi rõ họ tên của người mượn Trần Thị Hồng N và người bảo lãnh Trịnh Thị B, với nội dung là Trần Thị Hồng N có mượn của chị Trần Thị Mỹ H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) thời hạn vay đến ngày 10 tháng 5 năm 2016 sẽ trả hoàn toàn số tiền trên cho chị H, không thỏa thuận lãi suất, không có thế chấp tài sản. Chị Trần Thị Hồng N thừa nhận là có vay tiền của chị H nhưng chỉ vay số tiền là 3.000.000 đồng chứ không phải số tiền 40.000.000 đồng, đối với Biên nhận ngày 10/2/2016 chị N thừa nhận là do chị ký tên và viết họ tên vào Biên nhận nhưng chị N không có chứng cứ để chứng minh chị N chỉ vay số tiền 3.000.000 đồng. Tòa án đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa và ra Thông báo yêu cầu chị N cung cấp chứng cứ nhưng đến nay chị N không thực hiện và cũng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án và không có văn bản phản bác yêu cầu của Nguyên đơn, do đó Bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh và có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc chị N trả cho chị H số tiền vốn là 40.000.000 đồng đúng với khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Bà Trịnh Thị B thừa nhận là người ký tên và ghi họ tên vào Biên nhận để bảo lãnh cho chị Trần Thị Hồng N vay tiền, nhưng bà B chỉ thừa nhận là có vay số tiền là 3.000.000 đồng của chị H nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Từ khi vay đến nay bà B và chị N chưa trả khoản tiền nào cho chị H. Tại phiên tòa bà Trịnh Thị B đồng ý cùng chị Trần Thị Hồng N liên đới trả cho chị Trần Thị Mỹ H số tiền 3.000.000 đồng. Ngoài ra bà B không trình bày gì thêm.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự có ghi:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên chị Trần Thị Hồng N và bà Trịnh Thị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 335, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H.
2. Buộc chị Trần Thị Hồng N và bà Trịnh Thị B cùng liên đới trả cho chị Trần Thị Mỹ H số tiền vốn 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Trần Thị Mỹ H mà chị Trần Thị Hồng N và bà Trịnh Thị B chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành đến khi thi hành án xong.
4. Về án phí, tạm ứng án phí: Chị Trần Thị Hồng N và bà Trịnh Thị B cùng liên đới chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
 - Hoàn trả cho chị Trần Thị Mỹ H số tiền 1.120.000 đồng (một triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 15345, ngày 17/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/3/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/3/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (CD.08b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

